

Mật Tạng Bộ 1 _ No.852B (Tr.135 _ Tr.143)

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN KINH _QUYỀN HẠ_

BỒ ĐỀ TRÀNG MẬT ÁN TIÊU XÍ MẠN ĐỒ LA PHẨM_ CHI HAI

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Phương Bắc: **Địa Tạng Tôn**

Toà ngồi rất xảo nghiêm

Thân ở trong Thai lửa

Nhiều Báu trang nghiêm đất

Lụa, Đá trợ lẫn nhau

Bốn Báu làm hoa sen

Nơi Thánh Giả an trú

Kim Cương Bất Khả Hoại

Hành Cảnh Giới Tam Muội

Cùng với Đại Danh Xưng

Vô lượng các quyền thuộc

Nhật Quang Minh Bồ Tát

Kiên Cố Tâm Bồ Đề (?Bồ Tát)

Và **Tri Địa Bồ Tát**

Nhóm **Bảo Thủ Bồ Tát**

Bảo Quang Minh Bồ Tát

Bảo An Thủ Bồ Tát

Bất Không Kiến Bồ Tát

Trừ Nhất Thiết Ưu Minh

Bí Mật , trong kết Phộc (Nội Phộc)

Bung duỗi nơi Hỏa Luân (ngón giữa)



Hữu (bên phải) quán **Bảo Ái** (?Bảo Xứ) **Tôn**

Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi ba luân (3 ngón tay)

Ấn Tam Cổ trên báu



Bảo Thủ (?Chưởng) ở trên báu

Ấn Nhất Cổ Kim Cương

Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi Thủy Luân (ngón vô danh)

Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát
Tô Tất Địa Yết La
Kim Cương Châm Bồ Tát
Tô Bà Hồ Bồ Tát
Vô Cấu Thệ Bồ Tát
Phát Ý Chuyển Pháp Luân
Sinh Niệm Xứ Bồ Tát
Phần Nộ Câu Bồ Tát
Bất Không Câu Tụ Tại
Thiên Nhân Quán Tụ Tại
Mạn Đồ La Bồ Tát
Kim Cương Minh Vương Bồ Tát
Kim Cương Tướng Bồ Tát
Quân Trà Lợi Bồ Tát
Bất Không Kim Cương Bồ Tát
Cúng Dường Bảo Bồ Tát
Không Tước Minh Bồ Tát
Nhất Cát La Sát Vương (? Nhất Kế La Sát Vương)
Thập Nhất Diện Tụ Tại
Ấn Hình như Giáo Pháp

Tiếp Hư Không Vô Cấu

Hai tay tác Đạo ấn

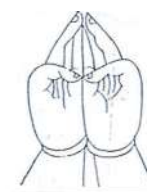
Tam Bồ Tra, Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trỏ)



Hư Không Tuệ: Pháp Luân



Thanh Tĩnh Tuệ: Thương Khư



Hành Tuệ: Hoa sen nở



An Tru Tuệ Bồ Tát
Ấn Đa La hơi mở



Hư Không Tạng Bồ Tát:

“Quy mệnh (1) Y, a ca xa tam mạn đa nỗ nghiệt đa (2) vĩ chất đất-lam phộc la đạt la (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM I ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA SVĀHĀ

Hư Không Vô Cấu Bồ Tát (Nga Nga Năng Ma La: Gaganāmala)

“Quy mệnh (1) Hám, nga nga năng, a nan đa ngô giả la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HAM GAGANA ANANTA GOCARA SVĀHĀ

Hư Không Tuệ Bồ Tát (Nga Nga Năng Ma Đé: Gagana-mati)

“Quy mệnh (1) Lãng, chúc khát-la phộc lợi để (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RIM CAKRA-VARTTI SVĀHĀ

Liên Hoa Ấn Bồ Tát:

“Quy mệnh (1) câu phộc lệ dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM KUALAYA SVĀHĀ

Thanh Tĩnh Tuệ Bồ Tát (Vĩ Thú Đà Ma Đé: Visuddha-mati)

“Quy mệnh (1) Già đan, đạt ma tam bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GATAM DHARMA SAMBHAVA SVĀHĀ

Hành Tuệ Bồ Tát (Nhạ Lệ Đát La Ma Đé: Jaritvara-mati)

“Quy mệnh (1) Để lam, bát nạp-ma a lại dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHIRAM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ Bồ Tát (Tất-Phê La Một Đệ: Ja-sthira-mati)

“Quy mệnh (1) Hồng, Hoại nỗ nạp bà-phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM _ JÑĀNA UDBHAVA _ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí Bồ Tát (lại có tên là Tô Tất Địa Bồ Tát Khả Thân Ân, lại dùng Thông Ân)

“Quy mệnh (1) Nhi, phộc nhật-la tất-thể la một đệ (2) bố la-phộc phộc đát-ma mãn đát-la sa la (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JI _ VAJRA STHIRA BUDDHE PŪRVARA ATMA MANTRA SARA _ SVĀHĀ

Chấp Liên Hoa Bồ Tát (có thể dùng Phổ Ân)

“Quy mệnh (1) Phộc nhật-la ca la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA-KĀRA _ SVĀHĀ

Đàn Ba La Mật Minh:

“Án, bà nga phộc đề ná năng địa bả đế (1) vĩ sa-lật nhạ, bố la dã ná nan (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)OM_ BHAGAVATE DĀNA-ADHIPATI VISRJA PŪRAYA DĀNAM_ SVĀHĀ

Giới Ba La Mật Minh:

“Án, thí la đà lý nê (1) bà nga phộc đề, hồng (2) hác (3)”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)OM_ ŚĪLA DHĀRIṆĪ BHAGAVATE HŪM HAḤ

Nhãn Ba La Mật Minh”

“Án, bà nga phộc đề (1) khát-sạn đề đà lý nê (2) hồng phát tra (3)”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

*)OM_ BHAGAVATE KṢĀNTI DHĀRIṆĪ HŪM PHAT

Tiền Ba La Mật Minh:

“Án, vĩ lý-dã ca lý hồng (1) vĩ lý-duệ, vĩ lý-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसम्यक्संबुद्धाय नमः ॥

.)OM_ VĪRYA KĀRI HŪM_ VĪRYE VĪRYE _ SVĀHĀ

Thiền Ba La Mật Minh:

“Án, bà nga phộc đề (1) tát phộc bá bả hạ lý nê (2) ma hạ nại đề-duệ , hồng hồng hồng, phát tra (3)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ BHAGAVATE - SARVA PĀPĀHĀRINIYE - MAHĀ-DETYE - HŪM HŪM HŪM HŪM PHAT

Bát Nhã Ba La Mật Minh:

“Án, địa (1) thất-lý (2) thâm-lỗ đa (3) vĩ nhạ duệ (4) sa-phộc hạ”

ॐ धीः श्रीं ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)OM_ DHĪH ŚRĪ ŚRŪTA VIJAYE _ SVĀHĀ

Phương Tiện Ba La Mật Minh:

“Án, ma hạ mỗi đất-la tức đế (1) sa-phộc hạ”

ॐ म नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)OM_ MAHĀ-MAITRA-CITTE - SVĀHĀ

Nguyện Ba La Mật Minh:

“Án, ca lỗ nê ca lỗ nê (1) hạ hạ hạ thắm”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)OM_ KĀRUṆĪ KĀRUṆĪ- HA HA HA - SAM

Lực Ba La Mật Minh:

“Án, ná ma ninh mẫu nễ đế hồng (1) hạ hạ hạ hồng nhược (2)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)OM_ DAMANI MUDITE HŪM HA HA HA HŪM JAḤ

Trí Ba La Mật Minh:

“Án, ma ma chỉ nương năng ca lý hồng (1) sa-phộc hạ”

ॐ मम ज्ञानं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)OM_ MAMA JÑĀNA KĀRI HŪM - SVĀHĀ

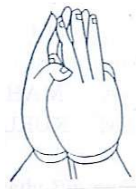
Lại nữa Bí Mật Chủ!

Nay nói Đàn thứ hai
Đẳng Chính, tướng bốn phương
Án Kim Cương vây quanh
Tất cả màu vàng đẹp
Trong Tâm nở hoa sen
Đài hiện Ca La Xa
Ánh sáng như trăng trong
Cũng dùng điếm Đại Không
Giáp vòng tự trang nghiêm
Trên bày Án Đại Phong
Phơi phới như Mây huyền
Lay động tướng phan phương
Điểm không làm tiêu biểu
Bên trên sinh lửa mạnh
Giống như lửa Kiếp Tai
Mà làm hình Tam Giác
Tam Giác dùng làm vây
Tia sáng vòng quanh khắp

Màu mặt trời sáng sớm
Giữa đây, hoa sen hồng (Padma)
Đỏ thắm giống hoả kiếp
Luu tán phát ánh lửa
Trì dùng tiếng chữ Hồng (**Hùm**)
Chữ chung tử thắng diệu
Phật xưa nói nhữ (?Pháp) này
Cần Dũng Mạn Đô La
Phần Nộ Kim Cương Chúng

Tiếp Đông, thứ nhất bày
Phát Sinh Kim Cương Bộ
Kim Cương Câu Bồ Tát
Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát
Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát (Hội thứ tư)
Trì Kim Cương Phong Bồ Tát
Kim Cương Quyền Bồ Tát
Phần Nộ Nguyệt Yểm Bồ Tát
Vô Cấu Trì Kim Cương
Kim Cương Lao Trì Bồ Tát
Phần Nộ Trì Kim Cương
Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát
Kim Cương Tỏa Bồ Tát
Trì Kim Cương Bồ Tát
Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát
Kim Cương Trì Luân Bồ Tát
Kim Cương Nhuệ Bồ Tát
Thích Duyệt Trì Kim Cương
Kim Cương Nha Bồ Tát
Lý Hý Luận Bồ Tát
Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát
Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát

Bộ **Mẫu Mang Mãng Kê**
Cũng cầm chày Kiên Tuệ (chày Tam Cổ)
Dùng Anh Lạc nghiêm thân

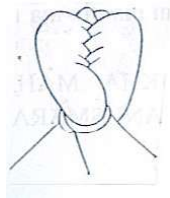


Bỉ hữu (bên phải vị ấy) **Kim Cương Châm**
Chúng Sứ Giả vây quanh
Mỉm cười cùng chiêm ngưỡng
Do Cổ (?Độc Cổ), Tuệ bên bên
Nội Quyền duỗi Phong Luân (ngón trở)

[Không (ngón cái) vào bên trong]



Tả (bên trái) đặt **Thương Khư La**
Chấp Trì Kim Cương Tỏa
Các **Sư Tự Bộ** câu (đền dự)
Thân ấy màu vàng nhạt
Chày Trí làm tiêu xí
Bốn Luân (4 ngón lay) cài chéo lưng
Xoay chuyển Tuệ (tay phải) thêm Định (tay trái)



Ở dưới **Chấp Kim Cương**
Phần Nộ Hàng Tam Thế
Bạc tôi phục Đại Chương
Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn**
Ba mắt, lộ bốn nanh
Màu mây mưa mùa hạ
Tiếng cười A Tra Tra
Báu Kim Cương, Anh Lạc
Nhiếp hộ các chúng sinh
Vô lượng chúng vây quanh
Cho đến trăm ngàn tay
Cầm nắm mọi khí giới
Nhóm Phần Nộ như vậy
Đều trụ trong hoa sen

Mở hai Không (2 ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ) [dựa theo Ngũ Cổ Ấn , hơi chằng chạm nhau_ Các **Kim Cương Trì Địa**)



Các **Kim Cương Quyền** Nội phộc (kèm dựng hai Không (2 ngón cái) hai chỗ gần nhau cùng dựng cao lên tựa như hình Tượng Chùy)



Phấn Nộ Quân Đồ Lợi

Trong như pha lê biếc
 Uy quang như kiếp hỏa
 Hách dịch, bồi nguyệt luân (vàng mặt trăng sau lưng)
 Cau mày, mặt cười giận
 Trên dưới lộ nanh cợn
 Ngàn mắt nhìn chẳng nháy
 Đây uy diệu như nhật (mặt trời)
 Ngàn tay đều cầm giữ
 Các khí trượng Kim Cương
 Đầu mào, báu Kim Cương
 Ròng đeo, quần da cợn
 Ở ngay trong vàng trắng
 Ngồi yên trên bàn đá

Phấn Tấn Câu Ma La

Thân trụ màu vàng rực
 Tóc màu đỏ rối loạn
 Anh Lạc, vòng nghiêm thân
 Trụ ở hoa sen xanh
 Quần da cợn che háng
 Tuệ (tay phải) chà, Định (tay trái) Vô Úy
 Vừa trì Chân Ngôn là
 Miệng tuôn ra Hóa Phật

Tiếp Ô Sô Sa Ma

Làm hình rất giận dữ
 Màu đen khởi ánh lửa
 Hữu (tay phải) Kiếm, dưới: sợi dây
 Bồng với Tam Cổ Xoa
 Khí trượng đều rực lửa

Nhóm Kim Cương Phụng Giáo

Thượng Thủ nhóm như vậy
 Nhiều như mùi cõi Phật
 Chúng Trì Kim Cương câu (đến dự)

Kim Cương Thủ Bồ Tát (Phộc Nhật La Bà Nê: Vajrapāṇi)

“Kim Cương quy mệnh (1) Án, phộc nhật-la bá nê (2) phộc nhật-la tát đát-phộc hồng (3)”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRANĀM _ OM VAJRA-PĀṆI VAJRA-SATVA HŪM

Mang Mãng Kê Kim Cương Chân Ngôn là:

“Na mô la đất-na đất la dạ dã. Na ma thất chiến noa phộc nhật-la bá noa duệ, ma ha được khắt-xoa tế năng bát đá duệ, đoản lan đà lý, mẫn đà mẫn đà, hồng, phát tra”

ॐ नमो रत्नत्रयया नमः शिवाय वज्रपण्य मन्दयक मन्त्राय उं कुलधर वध वध हूँ ह्रस्व

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCANDA VAJRA-PĀṆAYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
OM_ KULANDHARI BANDHA BANDHA HŪṀ PHAṬ

Kim Cương Quy Mệnh Chân Ngôn là:

“Kim Cương quy mệnh (1) tát phộc đạt ma nễ lật phệ đạt nễ (2) phộc nhật-la tố nhĩ, phộc la nĩ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम सर्वधर्मवर्षवज्रसुखवृक्षसुन्दर

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SARVA DHARMA NIRVEDHANI
VAJRA SUCI VARADE_ SVĀHĀ

Kim Cương Tỏa Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) hồng, mẫn đà mẫn đa (2) mạo tra mạo tra dã (3) phộc nhật-lỗ na bà phệ (4) tát phộc đất-la bát-la để hạ đế (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम हूँ वध वधय मन्त्रमन्त्रय वज्रकृत् स कृत्पुत्र

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪṀ BANDHA BANDHAYA_
MOṬA MOṬAYA_ VAJRA UDBHAVE _ SARVATRA APRATIHATE _ SVĀHĀ

Hàng Tam Thế Kim Cương Chân Ngôn là (cũng là Tam Nguyệt Yểm Diện)

“Kim quy mệnh (1) Hột lợi, hồng, phán tra (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम ह्रीँ ह्रस्व ह्रस्व

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HRĪṀ HŪṀ PHAṬ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) Hồng hồng hồng (2) phát tra, phát tra , nhiệm nhiệm (3) sa-la (?phộc) hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम ह्रीँ ह्रीँ ह्रीँ ह्रस्व ह्रस्व ह्रस्व

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪṀ HŪṀ HŪṀ PHAṬ PHAṬ_
JAM JAM SVĀHĀ

Kim Cương Quyển Chân Ngôn là:

“Kim quy mệnh (1) sa-bố tra dã, phộc nhật-la tam bà phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम श्लोकवज्रसंख्ये स सुन्दर

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SPHAṬAYA VAJRA
SAMBHAVE_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo Kim Cương Chân Ngôn là:

Hiển bày **Biển Tri Nhãn**

Tướng vui vẻ mỉm cười
Khấp thể sáng (hào quang) tròn trong
Vui thấy Thân khó sánh (vô tỷ)
Tên là **Năng Tịch Mẫu**

Chân Ngôn ấy là (Nội Phộc, duỗi Hỏa (ngón giữa) co Phong (ngón trỏ) trên lưng Hỏa (ngón giữa) cách nhau khoảng một hạt lúa)

“**Quy mệnh (1) đát tha nga đa tác khất-sô vĩ-dã phộc lộ ca dã (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् समान्तबुद्धानाम् तथगतैकक्षु

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATĀ CAKṢU ABHYAVALOKĀYA SVĀHĀ



Tiếp tả (bên trái) **Hào Tướng Minh** (Tathāgatorṇā)

Trụ hoa Bát Đầu Ma (trụ trong hoa sen hồng)
Tròn chiếu màu Thương Khư (màu trắng óng ánh)
Cầm giữ Báu Như Ý

Đầy đủ mọi Hy đầu (?hy nguyện: ước nguyện)

Tuệ Quyền (quyền phải) để My Gian (tam tinh) [Phong (ngón trỏ) chỉ thẳng vào tam tinh]

Chân Ngôn ấy là:

“**Quy mệnh (1) phộc la nê (2) bát-la bát đế hồng (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वारदे वारप्राप्ता

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VARADE VARA PRĀPTA HŪM SVĀHĀ



Nhất Thiết Chư Phật Đỉnh

Tuệ Thủ (tay phải) chụm đầu ngón
Đề đỉnh đầu thành Ấn (mật Ấn)

Chân Ngôn ấy là:

“**Quy mệnh (1) noan noan noan (2) hồng hồng hồng (3) phán tra (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वं वं वं ह्रं ह्रं ह्रं फात्रा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM VAM VAM_ HŪM HŪM HŪM PHAT_ SVĀHĀ

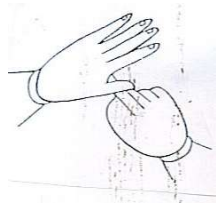


Cứu Thế Thích Sư Tử

Tiếp Nam (phía Nam) năm Phật Đỉnh

Bạch Tản dựng Tuệ Phong (ngón trỏ phải) [màu vàng ròng]

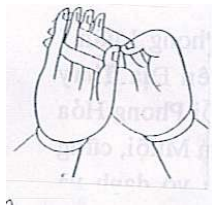
Đỉnh Chưởng (lòng bàn tay trái) che như lọng



Thắng Đỉnh Đao Ấn trước (Kim Cương Giới: Tam Bồ Tra)



Tối Thắng Ấn: Kim Luân (bánh xe màu vàng) {hơi vàng}



Quang Tụ Như Lai Đỉnh (hơi trắng)



Xả Trừ Trí (tay phải) thành quyền (màu trắng, Nội Phộc)

Co Phong Luân (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Lại ở Bắc (phía Bắc) **Hào Tướng**

“Quy mệnh (1) Đát-lãng (2) đế nho la thí ồ sắt-nê sái (3) sa-phộc hạ’

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TRĪM TEJORAŚI UṢNĪṢA SVĀHĀ

Trừ Chương Phật Đỉnh Chân Ngôn là (Lại là Xả Trừ, hay là Trừ Nghiệp.
Tiếng Phạn nói là Tỳ Cát La Na: Vikiraṇa)

“Quy mệnh (1) Ha-lâm (2) vĩ chỉ la noa bán tổ ồ sắt-ni sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HRŪM VIKIRAṆA PAṆCA UṢNĪṢA SVĀHĀ

Quảng Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng hồng hàm hồng (?tra-lỗ hồng)
(2) ồ sắt-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TRŪM UṢNĪṢA SVĀHĀ

Phát Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Thất-lỗ-án (2) Ồ sắt-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚRŪM UṢNĪṢA SVĀHĀ

Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Hồng (2) nhạ dục ồ sắt-nê sái (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HŪM JAYA UṢNĪṢA SVĀHĀ

Tiếp bày Thanh Văn Chúng

[Phạm Giáp làm tiêu xí (ở bên trái)]

Chân Ngôn ấy là:

“Quy mệnh (1) hệ đồ bát-la đề-dã dã (2) vĩ nghịet đa (3) yết ma niết nhạ đa
(4) hồng”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJATA HŪM

Lại bày Duyên Giác Chúng

Nội Phộc dụng Hòa Luân (ngón giữa)

Tròn đầy tướng Tích Trọng

Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Phộc”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VAḤ SVĀHĀ

Trước Thích Ca Mâu Ni

Vô Năng Thắng với Phi

Minh Vương Trí (tay phải) cầm sen

Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) vịn Hỏa (ngón giữa) co

Định Chương (lòng bàn tay trái) hướng ngoài duỗi (cao tới đỉnh đầu)

Ở trên hoa sen đen



Phi Mật Thắng Đại Khẩu (Nội phộc kèm hai Không (2 ngón cái) như móc câu. Màu đen cầm cây đao)



A Bả La Nhĩ Đa Chân Ngôn là (cũng là **Vô Năng Thắng Phần Nộ Minh Vương**)

“Quy mệnh (1) Địa-lãng địa-lãng , trí-lợi,lãng lãng ,tứ-lãng tứ-lãng sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते बुद्धाय नमोऽस्तुते ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM DHRIM RIM JRIM_ SVĀHĀ

Vô Năng Thắng Phi Chân Ngôn là:

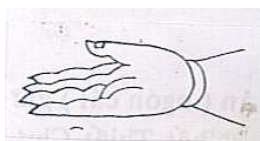
“Quy mệnh (1) A bả la nhĩ đề (2) nhạ khiên đề đát nê đề (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते बुद्धाय नमोऽस्तुते ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APARĀJITE JAYAMTI TADITE_ SVĀHĀ

Bày hàng Chúng Tĩnh Cư

Tự Tại: Tay suy tư (tư duy thủ) [nghiêng đều dựa bàn tay]



Phổ Hoa Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) sai (đuôi so le)

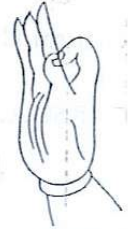
Hỏa (ngón giữa) ở bên trước ngực



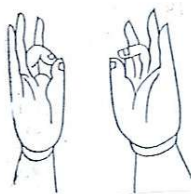
Quang Man Không (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



Mãn Ý Không (ngón cái) Phong (ngón trở) hoa (tượng cầm hoa)



Biền Âm Không (ngón cái) đề Thủy (ngón vô danh)
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở) dùng che tai (hai lỗ tai)



Tụ Tại Thiên Tứ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Án, bá la nễ đất-ma la đề tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ PŪRANITMA
RATIBHYAḤ_ SVĀHĀ

Phổ Hoa Thiên Tứ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) ma nỗ la ma (2) đạt ma tam bà phộc (3) tỳ bà phộc (4) ca thác ca thác na (5) tam tam mang sái nê (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं ॐ ह्रीं क्लीं

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAṆO RAMA DHARMA
SAMBHAVA_ KATHĀ KATHĀNA SAṀ SAṀ MABHANE_ SVĀHĀ

Quang Man Thiên Tứ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) nặ đô ỏ-xá tả nan (2) sa-phộc hạ”

𑖀𑖩𑖱𑖨𑖢𑖯𑖱𑖪𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JATUYASYANA_ SVĀHĀ

Mãn Ý Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A Án cả ninh xỉ tệ (2) sa-phộc hạ”

𑖀𑖩𑖱𑖨𑖢𑖯𑖱𑖪𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ HANAṬIṢA_ SVĀHĀ

Biến Âm Thiên Tử Chân Ngôn là:

Quy mệnh (1) Án, a ba tát-phộc lệ-tê (2) sa-phộc hạ

𑖀𑖩𑖱𑖨𑖢𑖯𑖱𑖪𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨𑖱𑖴𑖱𑖴𑖨

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ ĀBHASVĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ

Hành Giả ở góc Đông

Tạo làm tượng **Hỏa Tiên**

Trụ ở trong lửa bùng

Ba điêm tro biểu tượng

Sắc thân màu đỏ thẫm

Tim để Án Tam Giác

Tuệ (tay phải) châu (trái châu) , Định (tay trái) Táo hình (binh chứa nước rưới vảy)

Ngựa chường (lòng bàn tay), Định (tay trái) cầm trượng (cây gậy)

Ngôi trên con dê xanh

Phi Hậu hầu hai bên

Bà Tẩu Tiên, Tiên Phi

A Nghệ La, Cồ Đàm

A Đề Lý Dữ Tiên

Với Tỳ Lý Cồ Tiên

Tiếp đặt **Tự Tại Nữ**

Tỳ Nữu Dạ Ma Nữ

Hiền, Ma Yết nhị ngư (2 loài cá)

La Hậu, A Già La

Đại Chủ Ha Tất Đa

Tiếp đặt ở Ma Già

Chúng **Thất Diệu** xen kẽ

Tự ký Chát Đa La

Quả Đắc Vĩ Xá Khư

Dược Xoa, Chúng Trì Minh

Tiếp Tăng Trưởng **Thiên Vương**

Cửa Nam Ròng **Nan Đà** (Nanda Nāgarāja)

Đại Long Vương **Ô Ba** (Upananda Nāgarāja)

Và hai **Tu La Vương**

Gần cửa **Hắc Âm Thiên**
Tiếp **Diêm Ma La Vương**
Tay cầm **Ấn Đàn Noa**
Ngồi trên lưng con trâu
Màu mây huyền sấm sét
Thất Mẫu (7 vị mẫu) và **Hắc Dạ**
Tử Hậu Phi (Phi Hậu của Tử Ma Thiên) vây quanh
Chúng Quỷ Nữ **Phụng Giáo**
Quý Chúng, Noa Cát Ni (Dākīṇī)
Chúng **Thành Tựu Đại Tiên**
Ma Ni A Tu La
Với chúng **A Tu La**
Kim Xí Vương và **Nữ**
Chuẩn (dựa theo) **Ấn Cửu Đầu Long**

Cru Bàn Đồ (Kumbhaṇḍa) với **Nữ**
Hỏa Thiên: Không (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



Phộc Tư Tiên Đẳng Ấn
Không (ngón cái) giữ lỏng hai Địa (lóng thứ hai của ngón út)
Thứ tự mở bung khắp (trước tiên mở ngón trỏ)



Diêm Ma (Yama) Định Tuệ hợp (chắp 2 tay lại)
Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) đều vào Nguyệt (lòng bàn tay) [Co Không (ngón
cái) để ở Hỏa (ngón giữa)]



Bảy **Mẫu**: Tam Muội Quyền (quyền trái)
Rút Không (ngón cái) dựng Chùy An



Ám Dạ Tam Muội Quyển (quyển trái)
 Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi



Diêm Ma Phi Hậu Đạc
 Tuệ Thủ (tay phải) rữ nam Luân (5 ngón tay)
 Giống như tướng **Kiện Tra** (Ghaṁṭa:cái chuông)



Đồ Cát Ni (Dākiṇī) Định Chưởng (lòng bàn tay trái)
Nhĩ Hạ Phộc (Jihva:cái lưỡi) liếm chạm



Hỏa Thiên Chân Ngôn là:
 “Quy mệnh (1) Ác nga-na duệ (2) sa-phộc hạ”
 ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ
 *)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AGNAYE_ SVĀHĀ

Hậu Chân Ngôn là:
 “Quy mệnh (1) A khởi nĩ duệ (2) sa-phộc hạ”
 ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ
 *)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AGNIYE_ SVĀHĀ

Phộc Tư Tiên Chân Ngôn là (tên là Phộc Tẩu Tiên: Vasu-Rṣī)
 “Quy mệnh (1) Phộc tư sắt-tra lật-sam (2) sa-phộc hạ”
 ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ ह्रीं ह्रीं ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VASIṢṬA ṚṢI_ SVĀHĀ

A Diệt Lý Tiên Chân Ngôn là (Cũng gọi là A Đề Lý Dữ Tiên: Atreye Ṛṣi)

“Quy mệnh (1) Ac đế-la dã ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ATREYE MAHĀ-ṚṢI_ SVĀHĀ

Kiều Đáp Ma Tiên Chân Ngôn là (Bhṛgotama Ṛṣi)

“Quy mệnh (1) Bà-lý du đát-ma ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ BHṚGOTAMA MAHĀ-ṚṢI_ SVĀHĀ

Nghiệt Lật Già Tiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Câu đát-ma ma hạ lật-sam (2) nghiệt lật-già sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GOTAMA MAHĀ-ṚṢI_ GARGHA_ SVĀHĀ

Tăng Trưởng Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ân, vĩ lỗ đồ ca (2) dược khát-xoa địa bả đa duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM VIRŪDHAKA YAKṢA ADHIPATĀYE_ SVĀHĀ

Diêm Ma Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Phộc phộc sa-phộc đa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAIVASVATĀYA_ SVĀHĀ

Tử Vương Chân Ngôn là (cũng gọi là Hậu)

“Quy mệnh (1) một đề dã phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MRṬYAVE SVĀHĀ

Diêm Ma Thất Mẫu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Mang đề-lý tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MĀTRBHYAḤ SVĀHĀ

Ám Dạ Thần Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ca la la đề-lý duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं व ह्रीं नमः शिवाय ह्रीं ह्रीं ह्रीं (ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KĀLA-RĀTRĪYE SVĀHĀ

Phụng Giáo Quan Chân Ngôn là (cũng gọi là **Đại Sơn Phù Quân**. Người xưa truyền là: **Thâm Sa Đại Thánh** vậy. Ân là Kim Cương Hợp Chủng. Đây là loài quý ăn cơm thịt)

“Quy mệnh (1) chỉ đất-la ngu bát-đa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धैर्नामः सिद्धये नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM CITRA-GŪPTAYA - SVĀHĀ

Noa Cát Ni Chân Ngôn là: (Dākiṇī)

“Quy mệnh (1) hiệt-lợi, ha (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धैर्नामः ह्रीं ह्रूं ह्रूं नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HRĪḤ HAḤ SVĀHĀ

Kim Xí Điều Vương Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chủng)

“Quy mệnh (1) a bát-la đề (2) hạ đa (3) xả tát na nam (4) đất nễ-dã tha (5) Ân, xả cú na (6) ma ha xả cú na (7) vĩ đản đa (8) bả khát-xoa (9) tát phộc bả năng (10) nga na ca (11) khur khur, khur tú khur tú (12) tam ma dã (13) ma nô tát-ma la (14) hồng, đề sắt-xá (15) mạo địa tát đất-vũ (16) chỉ-nhương bả dã đề (17) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धैर्नामः सुप्रतिहता संस्रव

गच्छन्ति कुम्भे मन्त्रकुम्भे त्रिंशत्पक्षे मन्त्रे चन्द्रगणके शिव

शिवकेशवकेशवमय मन्त्रशिव ह्रीं (१) पृथ्वी (२) मन्त्र ह्रीं चन्द्रगणके नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀ APRATIHATA ŚASANĀNĀM

TADYATHĀ: OM KUS’ANA MAHĀ-KUS’ANA VITAṆTA-PAKṢA

SARVA PANAGANA KĀ KHAKHA KHAHI KHAHI SAMAYAM-

ANUSMARA HŪM TIṢṬA BODHI-SATVO JÑĀPAYATI SVĀHĀ

Chủ phương Nê Lý Đề (phương Tây Nam)

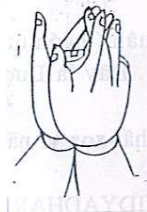
Hiệu là **Đại La Sát**

Hình khùng bóp cầm đao (Tuệ Đao)

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chủng) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)

Dụng Phong (ngón trỏ), Không (ngón cái) Hỏa (ngón giữa) giao

Với nhóm **La Sát Nữ**



La Sát Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) La cật-sát sa (2) địa bả đá duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तबुद्धैर्नामः रक्षसाधिपतये नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RĀKṢASA ADHIPATAYE SVĀHĀ

La Sát Tư Nữ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Lạc khát-sát sa (2) nga ni nhĩ (3) sa-phộc hạ”

𑀩𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓𑀺𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓𑀺𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RĀKṢASI-GANIPI - SVĀHĀ

La Sát Chúng Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Lạc khát-xoa tế tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

𑀩𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓𑀺𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓𑀺𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓𑀺𑀩𑀺𑀩𑀺𑀲𑀺𑀨𑀺𑀓

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RĀKṢASEBHYAḤ_ SVĀHĀ

-Trong cửa Tây, hai bên

Phần Nộ Vô Năng Thắng

A Tỳ Mục Khư đôi

Nan Đồ, Bạt Nan Đồ

Với dùng các **Địa Thần**

Long Vương Phộc Lỗ Noa

Hình Trời, dáng người nữ

Ngồi trên rùa Long Quang

Chúng **Chấp Diệu**, Tôn Thần

Hương đôi sinh Đại Quang (ánh sáng lớn)

Tịch Hạng Cung, Xúng Cung

Nguyệt Diệu với **Nữ Thiên**

Nam Thiên, Ma Nỗ Xá

Giá Văn, Cru Ma Lợi

Hai Thiên Nữ **Thích Phạm**

Tự Tại, Ô Ma Phi (Uma)

Cửa Bắc nên an bày

Quảng Mục, Chúng **Trời Rộng**

Long Vương, Phi, Quyển Thuộc

Na La, Tỳ Nữu, Phi

Biện Tài, Diệm Ma La

Nguyệt Phi, Chiến Nại La (Candra)

Cô Thiên, Ca Thiên Nữ

Ca Thiên, Chúng **Nhạc Thiên**

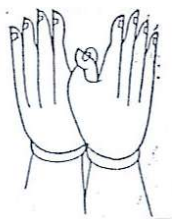
Phong Thiên với Quyển Thuộc

Thiên Sứ và nhóm **Phi**

Thủy Thiên cầm sợi dây

Các **Rộng**, che bung chuông (lòng bàn tay)

Hai Không (2 ngón cái) trợ chéo nhau

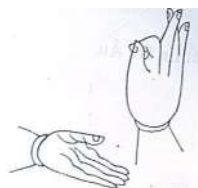


Hai **Rồng**, chưởng trái phải
Hỗ trợ đè lên nhau



Biện Tài tức Diệu Âm

Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) giữ nơi Không (ngón cái)
Vận động như tấu nhạc
Trời ấy: **Phí Nỗ Ấn**



Na La Diên cầm Luân (bánh xe)
Đem Định Chưởng (lòng bàn tay trái) bung tán



Hậu Khê Không (ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ)
Tròn đầy như Luân Thế (thế bánh xe)



Tắc Kiến Phiên Đồng Tử

Ba Tù (? ba đầu) cỡi Khổng Tước (chim công)

Thương Yết La Kích Ấn

Định (tay trái) Không (ngón cái) đè ngay Địa (Ngón út)
(bung ba ngón, Không(ngón cái) vịn móng Địa (ngón út) để đối hợp trong lòng bàn tay)



Hậu Ấn Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út) [tam hợp]



Phi mật mở ba Luân (3 ngón tay)



Giá Vãn Trà Định chướng (lòng bàn tay trái)
Ngửa cầm Kiếp Ba La



Nguyệt Thiên Tam Muội Ấn (Quán Âm Ấn Bán)
Cầm giữ hoa sen trắng



Tứ Mật Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao



Phộc Dữu Phong Thiên Tràng (cây phượng)
Trí Quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
Quyển thuộc đều vây quanh



Quảng Mục Thiên Chân Ngôn là:
 “Quy mệnh (1) Án, vĩ lỗ bác khát-xoa (2) na già địa ba đa duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् ओम् विरुपाक्ष नगाधुपातये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ VIRŪPAKṢA NĀGA-ADHIPATAYE_ SVĀHĀ

Thủy Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A bá bát đa duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् अपामपातये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APAM-PATAYE SVĀHĀ

Nan Đà Bạt Nan Đà Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Nan đồ bát nan ná duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् नानदानानादुये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NANDA UPANANDAYE_ SVĀHĀ

Chư Long Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Minh già xả nễ duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् मेघाशानिये स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MEGHĀŚANIYE_ SVĀHĀ

Địa Thiên Minh:

“Quy mệnh(1) bát-ly thể phệ-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् पृथिव्यै स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Diệu Âm Thiên Nữ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tô la sa-phộc đãi duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् सुरासवत्यै स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SURASVATYAI - SVĀHĀ

Na La Diên Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Vĩ sắt-noa phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् विष्णुवे स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIṢṆUVE_ SVĀHĀ

Hậu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vĩ sắt-noa nhĩ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् विष्णुवि स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIṢṆUVI_ SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) chiến nại-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमंता बुद्धानाम् चन्द्रायै स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CANDRĀYA_ SVĀHĀ

Cát Tường Công Đức Thiên

Tám chúng **Đại Dược Xoa**

Trì Minh Tiên, Tiên Nữ

Nhóm **Bách Dược Ái Tài**

Hiền, Câu, Bản Phương Diệu (các sao Chấp Diệu)

Và **A Thấp Tỳ Nễ**

Đa La Mãn Giả Bách

Mười hai **Thuộc Nữ Thiên**

Chúng **Bàng Giải, Sư Tử** (12 cung)

Đại Chiến Quỷ, Đại Bạch

Nhóm **Tỳ Na Dạ Ca**

Ma Ha Ca La Thiên

Đa Văn Hư Tâm hợp (hư tâm hợp chưởng)

Hai Địa (2 ngón út) vào chưởng giao (giao nhau trong lòng bàn tay)

Dựng Không (ngón cái) co cạnh Phong (ngón trỏ)

Cách nhau khoảng một thốn

Tả (bên trái) **Nhất Thiết Dược Xoa**

Định Quyên (quyên trái) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)

Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

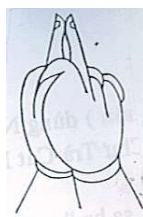
Duỗi chưởng, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)

Phong (ngón trỏ) vịn lóng Không Luân (ngón cái) [Cũng chấp tay tác]



Cửa Đông Tỳ Xá Già

Định Quyên (quyên trái) duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)



Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)

Tức là **Tỳ Xá Chi**



Lại Đại Dược Xoa Ấn

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền (cài chéo các ngón bên trong rồi nắm lại thành quyền)

Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)



Đa Văn Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vị thất-la ma noa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते समन्तबुद्धाय नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAIŚRAVAṆĀYA_ SVĀHĀ

Chư Dược Xoa Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) dược khát-xoa thấp phộc la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते यक्षेश्वर्यै नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAKṢEŚVARĀYA_ SVĀHĀ

Chư Dược Xoa Nữ Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) dược xoa vĩ nễ-dã đạt lý (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते यक्षद्विषयै नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAKṢA_ VIDYA-DHARI_ SVĀHĀ

Chư Tỳ Xá Già Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tỳ xá già nghiệt đề (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते पिसाकगति नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PIŚĀCA GATI_ SVĀHĀ

Chư Tỳ Xá Chi Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tỳ chỉ, tỳ chỉ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते पिकीपिकी नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PICI PICI_ SVĀHĀ

Đông Bắc Y Xá Na

Nhóm Bộ Đa quyền thuộc

Kích Ấn, Tam Muội Quyền (quyền trái)

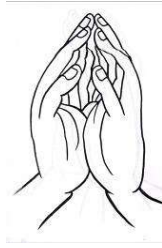
Dụng Hỏa (ngón giữa) Phong (Ngón trỏ) co lưng

Y Xá Na Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) lỗ nại-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्तुते रुद्राय नमः

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RUDRĀYA_ SVĀHĀ



Xả Gia, Tỳ Xã Gia

Tay Bát Nhã Tam Muội (2 tay)

Lóng Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) chung lưng

Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tựa giữ nhau

Kèm Không (ngón cái) để ở tim



Chín **Chấp** hợp hai vũ (2 tay)

Kèm Không Luân (ngón cái) mà duỗi



Phạm Thiên cầm sen hồng (dựa theo Nguyệt Ấn)

Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Thủy (ngón vô danh)



Minh Phi Phong (ngón trỏ) đè Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)

Càn Thát Bà Mật Ấn

Nột Phộc duỗi Thủy Luân (ngón vô danh)



Tu La dùng tay Trí (tay phải)

Phong (ngón trỏ) ghé trên Không Luân (ngón cái) [Định Thủ (tay trái) như Diêu Âm. Chư Thiên nếu làm sự nghiệp Ấn thì búng tay làm cũng được]



Đế Thích Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) thước cật-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ŚAKRAYA - SVĀHĀ

Trì Quốc Thiên Vương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ấn, địa-lệ đa la sắt tra la (2) la bát-la mặt đà-na (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM DHṚTA-RĀṢṬRĀ RA RA PRAMODANA_ SVĀHĀ

Nhật Thiên Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A nễ đát dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ĀDITYĀYA_ SVĀHĀ

Xã Gia, Tỳ Xã Gia Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Ma Lợi Chi Chân Ngôn là:

Quy mệnh (1) ma lợi chi (2) sa-phộc hạ

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM MARĪCI SVĀHĀ

Cửu Cháp Diêu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Ấn, tát phộc nĩ phộc đa nam (2) ế hê-duệ tứ (3) a nễ đê-dã tổ ma (4) bán tả nặc khát-sát đát-la (5) la hộ kế đô na-phộc nại xả vĩ ma năng (6) a sắt-tra vĩ dựng thiết đế (7) bát-lý thể bát-lý thể phệ-duệ trích chỉ hồng tộ, sa-phộc hạ

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ OM_ SARVA DEVATĀNĀM EHYEHI ĀDITYA, SOMA , PAÑCA NAKṢATRA , RĀHU, KETU, DVA-DAŚA VIMANA, AṢṬA-VIMŚATĪ, PṚTHIVYE, ṬAKKI HŪM JAḤ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Cháp Diêu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tát-la hê thấp-mạt lý-dã (2) bát-la bát-đa nhụ để la ma gia (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ GRAHEŚVARYA PRĀPTA
JYOTIR-MAYA_ SVĀHĀ

Nhật Thiết Tú Đẳng Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) na khát-sái đất-la (2) nễ nang nại nễ duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ NAKṢATRA NIRJADA NĪYE_
SVĀHĀ

Phạm Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) bát-la nhạ bát đa duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ PRAJAPATAYE_ SVĀHĀ

Càn Thát Bà Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vĩ thú đà tát-phộc la phộc hệ nễ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ VIŚUDDHĀSVARA VĀHINI
SVĀHĀ

Chư A Tu La Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) a tố la xiêm diên (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ASURĀ GARALAYAM -
SVĀHĀ

Chư Khẩn Na La Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) hạ sa nam (2) vĩ hạ tát nam (3) chỉ na la noãn (4) sa ha”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

N*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ HAKHASANAM
VIHASANAM _ KIMNARĀNĀM _ SVĀHĀ

Chư Nhân Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) nhất xa bát lam (2) ma nễ ma duệ mê (3) sa ha”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ICCHA PARAM MANU-MAYE
ME_ SVĀHĀ

Thỉnh Triệu Chư Thiên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) thước xá đầu lỗ bát đa duệ, sa-phộc hạ”

Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn là (Thầy nói rằng: Thông dụng cho tất cả Ấn của đủ loại hàng Trời. Kim Cương Hợp Chưởng)

“Quy mệnh (1) lộ ca lộ ca yết la dã (2) tát phộc nỉ phộc , năng nga, được khát-xoa, kiện đạt phộc, a tố la, nga lỗ noa, khẩn năng la, ma hộ la già nễ (3) ha-lý nại dã (4) Mật-dạ yết lý-sái dã (5) vi chất đất-la nghiệt đế (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय
ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय ॐ नमो भगवते बुद्धाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GĀNDHARVA ASURA GARUḌĀ
KIMNARA MOHĀRAGA DI_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI
SVĀHĀ

_Bảy giờ **Bạc Già Phạm**
Bảo **Kim Cương Thủ** rằng:
“Có **Biển Nhất Thiết Xứ**
Thậm Thâm Bí Pháp Môn
Người trụ **Tự Môn** này
Sự nghiệp mau thành tựu
Mão báu nâng tay Ấn (Ngũ Cổ)
Tam tinh, huyệt, tim, rốn
Chữ **A (A)** đến **Sa Hạ (SVĀHĀ)**
Chuyển phải xoay nối tiếp
Viên mãn Hạnh Quả đầu (sơ hạnh quả)
Phương tiện tất cả xứ
Ngoài thân như lửa sáng
Nhóm Y mười hai chữ
Bày tán ngay bên ngoài

_Quy mệnh (1) **A**
ॐ अ॒ःस॒स॒ः अ॒ वृ॒ ह॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ A

Quy mệnh (1) **Sa**
ॐ अ॒ःस॒स॒ः अ॒ वृ॒ ह॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SA

Quy mệnh (1) **Phộc**
ॐ अ॒ःस॒स॒ः अ॒ वृ॒ ह॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VA

Ca khư nga già, ngưỡng tả tha nhạ
क॒ अ॒ वृ॒ ह॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
KA KHA GA GHA_ CA CCHA JA JHA

Toản nhượng tra tra, noa đồ noa, đa đà ná đà năng
न॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
NĀ ÑA ṬA ṬHA_ ṆA ḌA ḌHA_ TA THA DA DHA NA

bả pha ma bà Mãng dã la la, phộc
प॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
PA PHA BA BHA_ MA YA RA LA VA

xả sái, sa hạ
श॒ ण॒ स॒ स॒ ॥ ५ ॥
ŚA ŚA SA HA

(Đều đọc cao tiếng, hô ngắn)

Quy mệnh (1) A

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ā

Quy mệnh (1) Sa

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SĀ

Quy mệnh (1) Phộc

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VĀ

Ca khư nga già, ngưỡng tả tha nhạ

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

KĀ KHĀ GĀ GHĀ_ CĀ CCHĀ JĀ JHĀ

Toản nhượng tra tra, noa đồ noa, đa tha ná đà nẵng

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴

NĀ ÑĀ ṬĀ ṬHĀ_ ṄĀ ḌĀ ḌHĀ_ ṬĀ THĀ DĀ DHĀ NĀ

bả pha ma bà Mãng dã la la, phộc

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳

PĀ PHĀ BĀ BHĀ_ MĀ YĀ RĀ LĀ VĀ

xả sái , sa hạ

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯

ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ

(Tiếp tiếng dẫn hô dài)

Quy mệnh (1) Âm

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

Quy mệnh (1) Thảm

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAM

Quy mệnh (1) Noan

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM

Kiểm khiếm nghiệm kiệ̣m , hàm chiêm đ̣am nghiệm

𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵

KAM KHAM GAM GHAM_ CAM CCHAM JAM JHAM

Chiêm nhiệm lỗ siểm nam trạm nam đạm tham nam đạm nam

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

NAM NAM TAM THAM _ NAM ĐAM ĐHAM_ TAM THAM DAM
DHAM NAM

Phiếm phiếm sưởng phạm noan diêm lam lam noan

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

PAM PHAM BAM BHAM_ YAM RAM LAM VAM MAM

Đàm sam tham hạm

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

SAM SAM SAM HAM

(Chữ bên miệng ấy đều mang âm gốc của chuyển thứ nhất mà hô)

-Quy mệnh (1) Ác

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

Quy mệnh (1) Sách

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAḤ

Quy mệnh (1) Phộc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAḤ

Cược khước ngược cươc ngược chươc xươc nhươc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ_ CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ

Tiêu nhược trách thác nạch trạch nạch dân thác nặc dịch nặc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

NAḤ NĀḤ TAḤ THAḤ_ NAḤ DAḤ DHAḤ_ TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ
NAḤ

Bác bạc mạc bạc mạc dục lạc lạc mạc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ_ YAḤ RAḤ LAḤ VAḤ MAḤ

thước sách tác hoắc

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

SAḤ SAḤ SAḤ HAḤ

(Hô tiếng đều vào)

Y thuy ô ô lý lý lý lô ê ái ô áo

𑖀𑖂𑖄𑖆𑖈𑖊𑖌𑖎𑖐𑖒𑖔𑖖𑖘𑖚𑖜𑖞𑖠𑖡𑖣𑖥𑖧𑖩

*)I Ī_ U Ū_ R Ṛ_ L Ḍ_ E AI_ O AU

Bồ Đề Tâm Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_BODHI_A

Bồ Đề Hạnh Chân Ngôn là:

“(Đồng với lúc trước) Tả lý-dã, A”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_CARYĀ_Ā

Thành Bồ Đề Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Tam mạo địa_ Ám”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_SAMBODHI_AM

Niết Bàn Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) thập lật-phộc noa_ Ác”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_NIRVĀṆA_AḤ

(Bên trong ba lớp của Mạn Đồ La: Đại Nhật Nội Viện Kim Luân. Hai, ba đồng với vị trí ở chính giữa. Chữ ác lớp thứ ba. Màu Vàng, trắng, màu đen tùy theo phương tiện ở tất cả nơi chốn).

Bây giờ, Trì Kim Cương Thủ vượt lên Địa Thân Ngũ Ý của Đại Nhật Thế Tôn, quán sát sự bình đẳng của Pháp, nghĩ nhớ Chúng Sinh đời vị lai, vì cắt đứt tất cả nghi, nên nói Đại Chân Ngôn Vương là (Khẩu quyết lúc ấn khả thì hỏi A Xà Lê)

“Quy mệnh (1). A tam mang bát-đa, đạt ma đà đồ (2) nghiệt đẳng nghiệt đa nam (3) Tát phộc tha (4) ám khiêm,a a, ám ác (5) thăm sách (6) hàm hạc (7) lam lạc (8) noan phộc (9) sa-phộc hạ (10) Hồng, lam lạc, ha-la hạc, sa-phộc hạ (11) . Lam lạc, sa-phộc hạ (12)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ASAMAPTA DHARMA-DHĀTU GATI GATĀNĀM_SARVATHĀ: ĀM KHAM_AM AH_SAM SAH_HAM HAḤ_RAM RAḤ_VAM VAḤ SVĀHĀ_HŪM RAM RAḤ HRA HAḤ SVĀHĀ_RAM RAḤ SVĀHĀ

Đại Tỳ Lô Xá Na hàng phục Tứ Ma Lục Thú giải thoát mãn túc Nhất Thiết Trí Trí chân ngôn kim sắc cú là:

“Quy mệnh (1) A vĩ la hồng khiêm (dùng Ấn theo khẩu quyết của A Xà Lê)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_A VIRA HŪM KHAM

Bây giờ Đức Thế Tôn lại quán sát các Đại Chúng Hội, rồi bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Này Phật Tử! Có 8 Ấn Bí Mật, là điều cực kỳ bí mật, là nơi

tương đồng với uy thần của Địa Vị Thánh Thiên, ở ngay Đạo Chân Ngôn dùng làm vật biểu tượng. Vẽ Man Đồ La ấy như sự tương ứng của Bản Tôn. Nếu y theo Pháp Giáo, đối với các Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn tương ứng biết như vậy: Tự Thân trụ vào Hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Biết Bản Tôn trụ xong lại như Bản Tôn thì sẽ được Tất Địa.

Thế nào là tám Ấn?

Bảo Tràng ánh mặt trời

Tam giác đủ hào quang

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) bung Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ)



Khai Phu màu vàng trong

Ánh Kim Cương chữ **Phộc** (☸_VA)

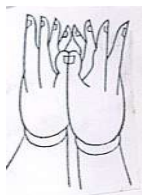
Co Phong Luân (ngón trỏ) tại Không (ngón cái)



Di Đà màu vàng ròng

Sen hồng (Ba Đầu: Padma) vây vành trăng

Hoa sen đẹp hé nở



Cổ Âm Mạn Đồ La

Bán nguyệt (nửa vành trăng) điểm Không vây

Hai Địa (2 ngón út) vào trăng đầy (lòng bàn tay)



Phổ Hiền Mạn Đồ La

Trăng đầy, Kim Cương vây

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO - VIŚVA-MUKHEBHYAḤ - SARVATHĀ - A Ā AM AḤ

_Tức thời liền trụ ở Tam Muội **Trí Sinh** mà nói sinh ra mọi loại **Xảo Trí** (Trí khéo léo) Chân Ngôn **Bách Quang Biến Chiêu** là: (Kim Cương Chương duỗi cánh tay trên đỉnh đầu , mỗi lúc mỗi lay động . Cũng là A Xà Lê có Bí Khế, có thể truyền khẩu quyết)

“Quy mệnh (1) Âm”

𑖀𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄𑖄

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

Muốn bày **Bách Quang Vương**
Chữ **Ám** (𑖄 - AM) ngay trong đó

Tiếp chuyển vòng bày (Luân bố) mười hai chữ của nhóm chữ Y (𑖄 I) cho đến **Ổ Ao** (𑖄𑖄_ O AU) ,Vòng thứ hai là 25 chữ của nhóm chữ Ca (𑖄_ KA), vòng thứ ba là 25 chữ của nhóm chữ Ca (𑖄_ KĀ), vòng thứ tư là 25 chữ của nhóm chữ **Kiểm** (𑖄_ KAM) [ND: vòng thứ năm là 25 chữ của nhóm chữ **Khước** (𑖄_ KAḤ)]

Xoay chuyển vòng theo bên phải an bày tiếp nối nhau, 21 biến gia trì , đỉnh đầu đội **Bàn Châu** Bên trong lòng bàn tay co lỏng trên của Tiến Lực (2 ngón trở)

_ **Kim Cương Thủ** thỉnh hỏi:

“Bồ Tát hành **Chân Ngôn**

Tu hành bao nhiêu tháng

Cấm Giới được kết thúc?

Bà Già Phạm bảo rằng:

“Lành Thay! Cần Dũng Sĩ!

Giới Thù Thắng Thế Gian

Phật Xưa (Cổ Phật) đã khai diễn

Duyên Minh, nơi khởi Giới

Trụ Giới như Chính Giác

Khiến được thành Tất Địa

Vì lợi cho Thế Gian

Đặng khởi tự Chân Thật

Chẳng sinh Tâm nghi lo

Thường trụ nơi Đẳng Dẫn

Giới tu hành sẽ hết

Tâm Bồ Đề với Pháp

Với Nghiệp Quả tu Giác

Hòa hợp làm một Tướng

Xa lìa các tạo tác

Đủ Giới như Phật Trí

Khác đây, chẳng đủ Giới

Được các Pháp tự tại

Thông đạt lợi chúng sinh

Thường tu Hạnh **Vô Trước** (không dính mắc)

Nhóm đá quý, mọi báu

Cho đến đũa Lạc Xoa
Đã nói Chân Ngôn Giáo
Thầy đều theo các tháng
Kết thúc lượng Giới Cấm
Thoạt tiên quán **Kim Luân**
Trụ **Đại Nhân Đà La**
Rồi quán ở chữ A (𑖀)
Nên kết Ấn **Kim Cương**
Uống sữa để nuôi thân
Hành Giả đủ một tháng
Hay điều hơi ra vào (điều hòa hơi thở)

Tiếp, ở tháng thứ hai
Nghiêm chỉnh trong **Thủy Luân**
Luân Vi (vòng chung quanh Luân) thành chín vòng
Màu ánh trắng đêm Thu
Nên dùng Ấn **Liên Hoa**
Mà uống thuần nước Tịnh (Tĩnh thủy)

Tiếp, ở tháng thứ ba
Quán **Hỏa Luân** thắng diệu
Tam Giác, Uy Diệm Man (vòng hoa rực lửa uy mãnh)
Kết Ấn **Đại Tuệ Dao**
Ăn chẳng cầu thực phẩm
Tức dùng Đại Tuệ Dao
Thiên diệt tất cả tội
Mà sinh Thân, Ý, Ngữ

Tháng thứ tư: **Phong Luân**
Hành Giả thường nuốt Gió
Kết Ấn **Chuyển Pháp Luân**
Nhiếp Tâm dùng trì tụng

Quán **Thủy Luân Kim Cương**
Y trụ nơi Du Già
Đây là tháng thứ năm
Xa lia: đượ, chẳng đượ (Đắc, Phi Đắc)
Hành Giả không chỗ dính (vô sở trước)
Đẳng đồng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác)
Hòa hợp Luân Phong Hỏa
Vượt qua mọi lỗi lầm

Lại trì tụng một tháng
Đây là tháng thứ sáu
Cũng bỏ: Lợi, chẳng lợi
Thiên Chúng hàng Phạm Thích
Ma Hầu, Tỳ Xá Già
Đứng xa mà kính lễ

Tất cả làm Thủ Hộ
Thấy đều phụng Giáo Mệnh
Sẽ thường được như vậy
Người, Trời, thần cỏ thuốc (Dược Thảo Thần)
Trì Minh, các Linh Tiên
Theo hầu ở hai bên
Tùy thuận sở mệnh ấy
Loài Bất Thiện gây chướng
Nhóm La Sát , bảy Mẫu
Thấy người Trì Chân Ngôn
Cung kính mà lánh xa
Thấy chôn ấy tỏa sáng
Chạy tan như lửa mạnh
Tùy Giáo Pháp đã làm
Đều y theo **Minh Cầm** (Cấm Giới của bài Minh)
Đẳng Chính Giác Chân Tử
Tất cả được tự tại
Điều phục kẻ khó thắng
Như Đại Chấp Kim Cương
Lợi ích các Quân Sinh
Đồng với Quán Thế Âm
Trải qua sáu tháng xong
Tùy Ước Nguyên thành Quả
Thường ở nơi **Tự Tha**
Thương xót mà cứu giúp

Cầm tràng hạt ngang tim
Dư (còn lại điều khác) như **Tô Tất Địa**
Mỗi mỗi các Chân Ngôn
Tác Tâm Ý niệm tụng
Thờ ra vào là hai
Thứ nhất thường tương ứng
Chữ **A** bày chi phần
Trì đủ ba Lạc Xoa (ba trăm ngàn biến)
Phổ Hiền với Văn Thù
Chấp Kim Cương, Thánh Thiên
Hiện trước mặt xoa đỉnh
Hành Giả cúi đầu lễ
Mau dâng nước Át Già
Ý sinh Hương, vòng hoa
Liên được thân thanh tịnh

Xong phần hạn niệm tụng
Đặt châu (tràng hạt) vào Bản xứ (chỗ cũ)
Mới vào **Tam Ma Địa** (Samādhi:Định)
Thực hạnh (khoảng một bữa ăn) từ Định ra
Lại **kết Căn Bản Ấn**
Chân Ngôn bảy biến xong

Suy tư **Tâm Bồ Đề**
Mà trụ **thân Tát Đỏa**
Nơi Thánh Lực gia trì
Hạnh Nguyên tương ứng nên
Tri Minh truyền **Bản Giáo**
Không vượt **Tam Muội Gia**
Thuận hành ở nơi học
Tất Địa sẽ hiện tiền
Ta y **Đại Nhật Giáo**
Mở bày Hạnh **Du Kỳ**
Tu chứng phước thù thắng
Lợi khắp các Hữu Tình

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA KINH QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỂN HẠ (HẾT)

Thừa An, năm thứ ba, tháng bảy ngày mồng một. Ở chùa Khuyển Tu, Tây Sơn
trụ ? viết chép xong_ **Mật Tư Hưng Nhiên**

_Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm 2 quyển vào ngày 11/12/2014